TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2018
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Ông Phạm Văn Huynh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hửu Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 161/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 236/5/62, tổ 51, ấp 4, xã T, huyện LT, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 236/5/62, tổ 51, ấp 4, xã T, huyện LT, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 nhưng không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Vợ chồng bà chung sống với nhau thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, khác biệt về quan điểm sống cũng như không còn sự quan tâm chia sẽ khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn C có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày: 12/6/1990 và anh Nguyễn Thành Th, sinh ngày: 13/4/1994. Hiện nay chị T và anh Th đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Vì lý do bận công việc cá nhân, không đến Tòa án tham gia phiên tòa được nên ngày 06/4/2018 bà có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 nhưng không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Vợ chồng ông chung sống với nhau thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, khác biệt về quan điểm sống cũng như không còn sự quan tâm, chia sẽ khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày.

Nay bà Nguyễn Thị L xin ly hôn ông tại Tòa án thì ông đồng ý ly hôn với bà L vì xác định vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày: 12/6/1990 và anh Nguyễn Thành Th, sinh ngày: 13/4/1994. Hiện nay chị T và anh Th đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Vì vậy quan hệ pháp luật: Tranh chấp ly hôn là đúng và đầy đủ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về thẩm quyền: Vụ án này nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ tại Long Thành nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết là đúng thẩm quyền về vụ việc, về lãnh thổ, về cấp theo qui định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

- Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án hôn nhân gia đình không đặt ra thời hiệu khởi kiện.

Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo sự vô tư, khách quan. Thủ tục phiên tòa thực hiên đầy đủ, đúng quy định của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về hôn nhân là đây là hôn nhân không hợp pháp vì bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C sống chung với nhau từ năm 1985 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông có sự khác biệt nhau về quan điểm sống, hiện tại ông, bà không còn quan tâm đến nhau, không có sự chia sẻ trong cuộc sống, ngoài ra ông Cu còn hay đánh đập bà và đập phá đồ trong nhà. Phía ông C cũng xác định 2 ông, bà sống chung với nhau từ năm 1986 tuy nhiên không có căn cứ chứng minh cho việc ông C bà L sống chung từ năm 1985 hoặc 1986 và hiện tại ông cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt mong muốn được ly hôn.

Theo xác minh của chính quyền địa phương thì ông C, bà L không đăng ký kết hôn và không biết chính xác anh chị sống chung từ thời điểm nào. Nên căn cứ vào khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông C.

Con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1990 và Nguyễn Thành Th, sinh năm 1994 hiện đã trưởng thành nên không xem xét.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Văn C có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[3].Về nội dung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C khai nhận tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 nhưng không đăng ký

kết hôn tại địa phương. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng thời gian về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, khác biệt về quan điểm sống, cũng như vợ chồng không còn sự quan tâm chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà L xin ly hôn ông C tại Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C thì thấy rằng bà L và ông C khai tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 nhưng không có chứng cứ thể hiện việc ông bà đã chung sống như vợ chồng từ năm 1985. Tại biên bản xác minh ngày 09/4/2018 tại UBND xã T, huyện Long Thành thể hiện bà L, ông C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương. Về thời điểm bà L và ông C bắt đầu chung sống với nhau thì địa phương không nắm rõ do bà L và ông C không trình báo. Mặt khác người con đầu tiên của bà L, ông C là chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày: 12/6/1990. Do đó, không có cơ sở xác định bà L và ông C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 nên không phát sinh quan hệ hôn nhân thực tế theo quy định của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Việc bà L và ông C chung sống với nhau như vợ chồng từ sau ngày 03/01/1987 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của luật hôn nhân và gia đình, nay một trong hai bên có yêu cầu ly hôn Tòa án áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận vợ chồng.

Về con chung: Bà L và ông C có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày: 12/6/1990 và anh Nguyễn Thành Th, sinh ngày: 13/4/1994. Hiện nay chị T và anh Th đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Bà L là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Không xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo bên lai số 005491 ngày 21/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp xong.

Ông C được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, bà L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :
- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

Phạm Văn Huynh – Lưu Đức Chung **Nguyễn Văn Thành**